

Bản án số: **215/2021/KDTM-PT**
Ngày: 08/03/2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
và yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Hà Thanh Thủy

Bà Phùng Thị Như Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Long - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 08 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp tranh chấp hợp đồng tín dụng và yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 252/2021/QĐXX-PT ngày 15 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 987/2021/QĐ-PT ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Quách Minh H, sinh năm 1974; Thường trú: đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ngân hàng V; Trụ sở: đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Văn T và ông Hoàng Đắc N là người đại diện theo ủy quyền; Cùng địa chỉ liên hệ: đường M, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn N; Trụ sở: đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Quách Minh H là người đại diện theo pháp luật; Thường trú: đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3.2 Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974; Thường trú: đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.3 Bà Quách Thị P, sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.4 Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

3.5 Ông Quách Hoàng C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

3.6 Nguyễn Quách Tuấn M, sinh năm 2005

3.7 Nguyễn Quách Nam P, sinh năm 2006

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Quách Tuấn M và Nguyễn Quách Nam P: Bà Quách Minh H (có mặt)

3.8 Nguyễn Quách Thùy T, sinh năm 2009;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Quách Thị P, sinh năm 1974 (vắng mặt)

3.9 Quách Hoàng T, sinh năm 2013

Người đại diện theo pháp luật: Ông Quách Hoàng C, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng cư trú: đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

3.10 Ông Quách Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu phố A, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.11 Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh; Trụ sở: Đường P, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 là đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn N và bà Quách Minh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 06/3/2012, Ngân hàng V – Chi nhánh M và Công ty TNHH N (viết tắt là Công ty) có ký hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng cho Công ty vay số tiền 5.000.000.000 đồng, mục đích xây dựng khách sạn ở khu phố A, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và nâng cấp chi nhánh khách sạn tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 19%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Quách Minh H và ông Nguyễn Xuân H đã bảo lãnh bằng tài sản là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà H là chủ sở hữu theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba ngày 28/02 và ngày 02/3/2012, đã

được Phòng công chứng B Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Tài sản đã được đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/10/2009 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường quận T theo Hợp đồng thế chấp số 1900-LCP-200900 01682 ngày 28/9/2009, đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-200901362 ngày 28/9/2009.

Do Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200086/HĐTD ngày 06/3/2012, tạm tính đến ngày 24/6/2020 là 9.440.319.597 đồng, trong đó số dư nợ gốc hiện tại là 4.787.361.115 đồng; lãi trong hạn là 3.779.127.278 đồng; lãi quá hạn là: 924.996.126 đồng; yêu cầu Công ty thanh toán cho Ngân hàng trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, lãi sẽ tiếp tục được tính từ ngày 25/6/2020 đến khi trả xong nợ gốc tính theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200086/HĐTD ngày 06/3/2012. Ngân hàng sẽ trả lại bản chính các giấy tờ mà bà Quách Minh H đã nộp tại Ngân hàng khi thực hiện thủ tục bảo lãnh ngay khi Công ty thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo là nhà đất tọa lạc tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3807/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 03/9/2004, cập nhật thay đổi ngày 28/3/2005, ngày 12/6/2008, ngày 12/8/2008, ngày 17/7/2009 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà vẫn không thanh toán đủ các khoản nợ thì Ngân hàng yêu cầu Công ty có trách nhiệm trả hết số nợ còn lại cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty và yêu cầu độc lập của bà Quách Minh H, Ngân hàng trình bày như sau:

Tại Kết luận giám định của Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì cơ quan giám định kết luận không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký của bà Quách Minh H trên tài liệu cần giám định với tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không, chứ không kết luận là không đúng chữ ký của bà H. Đồng thời, tại Bản án số 119/2012/DS-ST ngày 26/9/2012, thể hiện bà H khai có vay của Ngân hàng và có thế chấp các giấy tờ nhà đất đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho Ngân hàng.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng ngày 06/3/2012, theo Điểm e Điều 10 của hợp đồng, bên cho vay được quyền tự động trích tiền từ tài khoản tiền gửi của bên vay mở tại bên cho vay và các chi nhánh trong hệ thống của bên cho vay để thu hồi nợ khi đến hạn trả nợ gốc và/hoặc nợ lãi mà bên vay không trả và không được bên cho vay chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Căn cứ hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba ngày 28/02/2012, các bên cam kết và đồng ý dùng tài sản là Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất do UBND quận T cấp ngày 03/9/2004, cập nhật sang tên bà Quách Minh H ngày 12/8/2008 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty và được công chứng ngày 02/3/2012. Hợp đồng này chỉ hết hiệu lực khi các bên thanh toán đầy đủ nghĩa

vụ trả nợ. Tuy nhiên, đến nay bên vay chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng không thể trả lại tài sản theo yêu cầu của bà Quách Minh H.

Hiện Ngân hàng đang lưu giữ bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 03/9/2004, cập nhật sang tên bà Quách Minh H ngày 12/8/2008; Hợp đồng tặng cho nhà ở số 18636 ngày 01/8/2008; Hợp đồng mua bán nhà ở số 14771 ngày 05/6/2008; Hợp đồng mua bán nhà ở số 9334 ngày 27/12/2004; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 09/6/2008; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 08/8/2008; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 14/7/2008; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 28/12/2004, xác nhận ngày 12/01/2005.

Bị đơn Công ty TNHH N do bà Quách Minh H là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 06/3/2012, Công ty và Ngân hàng – Chi nhánh M ký kết hợp đồng tín dụng vay số tiền 5.000.000.000 đồng với mục đích mua khách sạn L tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Phí Thị O, không có xây dựng khách sạn ở đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, ngày 28/02/2012 và ngày 02/3/2012, bà Quách Minh H, ông Nguyễn Xuân H ký Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba với Ngân hàng và Công ty, theo đó, bà H, ông H đồng ý thế chấp nhà đất tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do bà H là chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3807/2004 do UBND quận T cấp ngày 03/9/2004, cập nhật thay đổi ngày 28/3/2005, ngày 12/6/2008, ngày 12/8/2008, ngày 17/7/2009. Tuy nhiên, Công ty chưa nhận được khoản tiền vay do tài sản thế chấp chưa được đăng ký giao dịch đảm bảo do đang tranh chấp tại Tòa. Bà H xác định không ký tên trên giấy lĩnh tiền vay và giấy nhận nợ cùng đề ngày 06/3/2012. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu Ngân hàng hoàn trả lại số tiền mà Công ty TNHH N đã chuyển vào tài khoản của Công ty tại Ngân hàng V- Chi nhánh M theo sổ giao dịch tiền vay từ ngày 16/02/2012 đến ngày 16/02/2017 số tiền là 378.888.889 đồng.

Theo Kết luận giám định số 366/KLGD – TT ngày 07/4/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh thì không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký đứng tên Quách Minh H trên Giấy nhận nợ và giấy lĩnh tiền vay cùng đề ngày 06/3/2012 so với các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không, có nghĩa không đủ căn cứ khoa học để xác định chữ ký Quách Minh H trên tài liệu cần giám định là do Quách Minh H ký ra hay không phải do Quách Minh H ký ra. Đến nay, Công ty vẫn xác định không nhận tiền vay từ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Công ty không chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Đồng thời, Công ty đề nghị không tiến hành xử lý tài sản thế chấp của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Quách Minh H trình bày:

Ngày 28/02 và ngày 02/3/2012 giữa Ngân hàng – Chi nhánh M, bà H, ông H và Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba, hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng Quận M để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng ngày 06/3/2012 giữa Ngân hàng – Chi nhánh M và Công ty. Tuy nhiên, hợp đồng bảo lãnh trên đã vi phạm pháp luật như không đăng ký giao dịch bảo đảm, thực hiện giao dịch bảo lãnh thế chấp tài sản trong khi tài sản thế chấp đang có tranh chấp tại Tòa án, thụ lý ngày 07/10/2011 và xét xử sơ thẩm ngày 26/9/2012. Căn cứ Điều 127, Điều 128 BLDS năm 2005 thì hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3 vô hiệu ngay từ khi ký kết và căn cứ Điều 137 BLDS năm 2005 để giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp là không có căn cứ để chấp nhận.

Vì vậy, bà H vẫn giữ nguyên các yêu cầu độc lập gồm:

- Yêu cầu tuyên bố hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 1900-LCP-201200132 ngày 28/02 và ngày 02/3/2012 giữa Ngân hàng V – Chi nhánh M, bà Quách Minh H, ông Nguyễn Xuân H và Công ty TNHH N là vô hiệu.

- Yêu cầu Ngân hàng V trả lại cho bà Quách Minh H các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3807/2004 ngày 03/9/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp, đã cập nhật sang tên bà Quách Minh H ngày 12/8/2008; Hợp đồng mua bán nhà ở số 9334/HĐ-MBN ngày 27/12/2004, công chứng ngày 28/12/2004 giữa ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T; Hợp đồng mua bán nhà ở số 14771/HĐ-MBN ngày 05/6/2008, công chứng ngày 05/6/2008 giữa ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Quách Văn T; Hợp đồng tặng cho nhà ở số 18636/HĐ-TCN ngày 01/8/2008, công chứng ngày 01/8/2008 giữa ông Quách Văn T và bà Quách Minh H; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 09/6/2008; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 08/8/2008; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 14/7/2008; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 28/12/2004, xác nhận ngày 12/01/2005.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2017, ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông H xác định vào ngày 28/02/2012 và ngày 02/3/2012, ông H có ký hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3 với Ngân hàng V đồng ý thế chấp tài sản là nhà đất tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo cho Công ty vay tiền của Ngân hàng. Việc ông H ký hợp đồng này là theo yêu cầu của Ngân hàng, còn tài sản thế chấp là tài sản riêng của bà Quách Minh H. Thực tế Ngân hàng chưa giải ngân khoản tiền vay cho Công ty TNHH N do không thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm được do nhà đất nêu trên đang bị tranh chấp tại Tòa án. Ông H yêu cầu Ngân hàng trả lại toàn bộ giấy tờ nhà đất cho bà H và không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng.

Phòng Công chứng B do ông Nguyễn Văn H làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/02/2012, Phòng Công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh có tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công chứng Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba đối với nhà đất tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau

khi công chứng viên kiểm tra hồ sơ đầy đủ hợp lệ và đối chiếu với các quy định của pháp luật về việc công chứng chứng thực, công chứng viên đã giải thích cho người yêu cầu công chứng hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của họ, ý nghĩa, hậu quả pháp lý của việc tham gia hợp đồng.

Căn cứ hồ sơ lưu trữ và trình bày của công chứng viên, Phòng Công chứng B nhận thấy việc chứng nhận hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, tại thời điểm chứng nhận, Phòng Công chứng B không nhận được bất kỳ thông tin ngăn chặn việc chuyển nhượng nhà đất nêu trên hay khiếu nại, tố cáo đối với nhà đất này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngân hàng V rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì Công ty TNHH N đã tắt toán toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng. Ngân hàng đồng ý trả lại cho bà H và ông H bản chính toàn bộ tài sản thế chấp.

Công ty TNHH N do bà Quách Minh H làm đại diện rút yêu cầu phản tố buộc Ngân hàng trả lại số tiền 378.888.889 đồng.

Bà Quách Minh H rút một phần yêu cầu độc lập về việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Bà H giữ yêu cầu Ngân hàng trả lại cho bà H bản chính các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3807/2004 ngày 03/9/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp, đã cập nhật sang tên bà Quách Minh H ngày 12/8/2008; Hợp đồng mua bán nhà ở số 9334/HĐ-MBN ngày 27/12/2004, công chứng ngày 28/12/2004 giữa ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T; Hợp đồng mua bán nhà ở số 14771/HĐ-MBN ngày 05/6/2008, công chứng ngày 05/6/2008 giữa ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Quách Văn T; Hợp đồng tặng cho nhà ở số 18636/HĐ-TCN ngày 01/8/2008, công chứng ngày 01/8/2008 giữa ông Quách Văn T và bà Quách Minh H; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 09/6/2008; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 08/8/2008; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 14/7/2008; Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 28/12/2004, xác nhận ngày 12/01/2005.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 60/2020/KDTM-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nay là Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng V về việc yêu cầu Công ty TNHH N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200086/HĐTD ngày 06/3/2012.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH N về việc yêu cầu Ngân hàng V trả lại số tiền 378.888.889 (Ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín) đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Quách Minh H về việc tuyên bố hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 1900-LCP-201200132 ngày 28/02 và ngày 02/3/2012 giữa Ngân hàng V – Chi nhánh M, bà Quách Minh H, ông Nguyễn Xuân H và Công ty TNHH N là vô hiệu.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Minh H

Buộc Ngân hàng V trả lại cho bà Quách Minh H bản chính các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3807/2004 ngày 03/9/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp, đã cập nhật sang tên bà Quách Minh H ngày 12/8/2008;

+ Hợp đồng mua bán nhà ở số 9334/HĐ-MBN ngày 27/12/2004, công chứng ngày 28/12/2004 giữa ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T;

+ Hợp đồng mua bán nhà ở số 14771/HĐ-MBN ngày 05/6/2008, công chứng ngày 05/6/2008 giữa ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Quách Văn T;

+ Hợp đồng tặng cho nhà ở số 18636/HĐ-TCN ngày 01/8/2008, công chứng ngày 01/8/2008 giữa ông Quách Văn T và bà Quách Minh H;

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 09/6/2008;

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 08/8/2008;

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 14/7/2008;

+ Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 28/12/2004, xác nhận ngày 12/01/2005.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Quách Minh H chịu chi phí giám định là 4.080.000 (Bốn triệu tám mươi ngàn) đồng. Bà Quách Minh H đã nộp đủ chi phí giám định.

Ngân hàng V chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Ngân hàng V đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, ngày 03/10/2020 Công ty TNHH N và bà Quách Minh H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, vì chưa giải quyết đúng bản chất của sự việc và gây thiệt thòi đến quyền lợi hợp pháp của Công ty và của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo là bà Quách Minh H trình bày: Bà không đồng ý với toàn bộ bản án sơ thẩm vì chưa giải quyết các yêu cầu của bà. Bà H yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết yêu cầu của bà và của Công ty TNHH N là buộc Ngân hàng phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền mà Công ty N đã trả cho Ngân Hàng và yêu cầu Ngân hàng phải hoàn trả toàn bộ giấy tờ nhà đất tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà. Đồng thời tại phiên tòa bà H có yêu cầu hoãn phiên tòa để trưng cầu giám định lại chữ ký và chữ viết của bà Quách Minh H trên các tài liệu mà trước đây tại cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định và Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có Kết luận giám định số 366/KLGD-TT ngày 07/4/2020 vì cho rằng Kết luận giám định này là không chính xác và không đúng sự thật khách quan.

- Đại diện của Ngân hàng V trình bày: Sau khi có bản án sơ thẩm thì phía Ngân hàng đã giao và bà H đã nhận lại toàn bộ giấy tờ bản chính của nhà đất tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời trước đó thì Công ty N và bà H cũng đã thanh toán xong các khoản nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng cũng đã rút lại yêu cầu khởi kiện, Công ty N rút yêu cầu phản tố, bà H rút yêu cầu độc lập và đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận, quyết định đình chỉ các yêu cầu này trong bản án. Do vậy hiện nay giữa Ngân hàng và Công ty N, bà H không còn liên quan về nghĩa vụ quyền lợi gì với nhau, các yêu cầu kháng cáo mà bà H trình bày là không có căn cứ nên đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Nội dung yêu cầu kháng cáo mà bà H trình bày là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật Tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của các đương sự còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Xét thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Ngân hàng đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn là Công ty TNHH N đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Quách Minh H đã rút một phần yêu cầu độc lập cụ thể là yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu. Việc rút lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của các đương sự là tự nguyện, được hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận và quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời xác định bà H trở thành nguyên đơn là đúng theo quy định điểm c khoản 2 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định đình chỉ và thay đổi địa vị tố tụng này của bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH N có đơn yêu cầu trưng cầu giám định lại chữ viết và chữ ký tên Quách Minh H trên các tài liệu mà trước đây tại cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định và Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh đã có Kết luận giám định số 366/KLGĐ-TT ngày 07/4/2020 vì cho rằng Kết luận giám định này là không chính xác và không đúng sự thật khách quan.

Xét thấy, đây là các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp để chứng minh về việc Ngân hàng đã giải ngân và bà H là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH N đã nhận khoản tiền vay. Do tại cấp sơ thẩm phía Công ty TNHH N có yêu cầu phản tố về việc chưa nhận được khoản tiền vay do Ngân hàng giải ngân, đồng thời có yêu cầu giám định các tài liệu chứng cứ này để chứng minh cho yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà H tiến hành trưng cầu giám định các tài liệu chứng cứ nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm thì Công ty TNHH N đã tự nguyện rút yêu cầu phản tố này và đã được Hội đồng xét xử sơ thẩm đình chỉ giải quyết đúng quy định, do vậy yêu cầu giám định lại của Công ty TNHH N tại cấp phúc thẩm là không còn phù hợp và làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án nên không được chấp nhận.

[5] Xét đơn kháng cáo của Công ty TNHH N và của bà Quách Minh H đều chỉ thể hiện nội dung chung chung là kháng cáo toàn bộ bản án vì lý do chưa giải quyết đúng bản chất của sự việc và gây thiệt thòi đến quyền lợi hợp pháp của Công ty và của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã yêu cầu bà H trình bày cụ thể không đồng ý nội dung nào trong bản án sơ thẩm hoặc nêu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở nhưng bà H không trình bày được. Mặt khác, phía đại diện Ngân hàng cũng đã xuất trình các tài liệu thể hiện bà H và Công ty đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp, đồng thời đã giao và bà H đã nhận các giấy tờ liên quan đến chấp tài sản là nhà đất tại đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh như bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng toàn bộ kháng cáo của Công ty N và bà H là không có cơ sở nên không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[6] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N và bà Quách Minh H.
Giữ nguyên Bản án sơ thẩm:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Ngân hàng V về việc yêu cầu Công ty TNHH N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 1900-LAV-201200086/HĐTD ngày 06/3/2012.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH N về việc yêu cầu Ngân hàng V trả lại số tiền 378.888.889 (Ba trăm bảy mươi tám triệu tám trăm tám mươi tám ngàn tám trăm tám mươi chín) đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Quách Minh H về việc tuyên bố hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 1900-LCP-201200132 ngày 28/02 và ngày 02/3/2012 giữa Ngân hàng V – Chi nhánh M, bà Quách Minh H, ông Nguyễn Xuân H và Công ty TNHH N là vô hiệu.

4. Chấp nhận yêu cầu của bà Quách Minh H.

Buộc Ngân hàng V trả lại cho bà Quách Minh H bản chính các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3807/2004 ngày 03/9/2004 do Ủy ban nhân dân quận T cấp, đã cập nhật sang tên bà Quách Minh H ngày 12/8/2008;

+ Hợp đồng mua bán nhà ở số 9334/HĐ-MBN ngày 27/12/2004, công chứng ngày 28/12/2004 giữa ông Nguyễn Văn P, bà Bùi Thị X và ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T;

+ Hợp đồng mua bán nhà ở số 14771/HĐ-MBN ngày 05/6/2008, công chứng ngày 05/6/2008 giữa ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Kim T và ông Quách Văn T;

+ Hợp đồng tặng cho nhà ở số 18636/HĐ-TCN ngày 01/8/2008, công chứng ngày 01/8/2008 giữa ông Quách Văn T và bà Quách Minh H;

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 09/6/2008;

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 08/8/2008;

+ Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 14/7/2008;

+ Tờ khai lệ phí trước bạ ngày 28/12/2004, xác nhận ngày 12/01/2005.

5. Về chi phí tố tụng:

Bà Quách Minh H chịu chi phí giám định là 4.080.000 (Bốn triệu không trăm tám mươi ngàn) đồng. Bà Quách Minh H đã nộp đủ chi phí giám định.

Ngân hàng V chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Ngân hàng V đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại cho Công ty TNHH N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.472.000 (Chín triệu bốn trăm bảy mươi hai ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0022575 ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Trả lại cho bà Quách Minh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0022262 ngày 24 tháng 7 năm 2018 và 3.000.000 (Ba triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0056133 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Ngân hàng V phải chịu 3.000.000 (Ba triệu) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.874.049 (Năm mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014906 ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức. Ngân hàng V được nhận lại số tiền 54.874.049 (Năm mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm bốn mươi chín) đồng.

7. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Quách Minh H phải chịu án phí là 2.000.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0057976 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức nay là Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

Công ty TNHH N phải chịu án phí là 2.000.000 đồng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0057970 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, nay là Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân

